

Bản án số: 88/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 11 - 2021
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hào

2. Bà Phan Thị Quế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:

Không tham gia.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình” thụ lý số: 236/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2021/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2021/QĐST - DS ngày 15/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B – sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Xóm V, xã V, huyện Y tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N – sinh năm 1979. (Vắng mặt lần thứ 2)

Địa chỉ cư trú: Xóm V, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn vào ngày 25/11/2005 tại UBND xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách 2 bên không phù hợp, bất đồng quan điểm, anh N không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên có lời nói thô tục ảnh hưởng đến danh dự nhân phẩm của chị. Vợ chồng đã được gia đình và ban xóm hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa. Chị B xác định tình cảm đối với anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoàng Dũng, sinh

ngày 12/10/2007 và cháu Nguyễn Hoàng Hùng, sinh ngày 22/10/2009. Ly hôn chỉ có nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Về tài sản: chị Hoàng Thị B không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: anh Nguyễn Văn N quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vẫn không có mặt, do đó Tòa án không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và cũng không lấy được lời khai của anh N. Tuy nhiên qua tài liệu nguyên đơn cung cấp về quan hệ hôn nhân, con chung đúng như chị B trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của chị B tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân & Gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh N có hộ khẩu thường trú tại xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt lần thứ không có lý do, do đó căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy hôn nhân giữa anh chị B, anh N là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu xin ly hôn nguyên đơn cho rằng do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh N không chăm lo cuộc sống gia đình, bỏ mặc vợ con khiến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Qua xác minh tình trạng hôn nhân nguyên nhân mâu thuẫn trên là đúng thực tế, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị B, anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị B có nguyện vọng được nuôi hai con chung. Xét thấy hiện nay hai con chung đang sinh sống ổn định với chị B, các cháu đều có đơn nguyện vọng được ở với mẹ. Điều kiện kinh tế chị B hiện nay có công việc, thu nhập ổn định, có nhiều thời gian chăm sóc con, mặt khác việc trông nom, chăm sóc con chung còn có sự hỗ trợ từ ông bà ngoại về vật chất và tinh thần. Đối với anh N quá trình giải quyết anh không có mặt, không thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con, do đó nếu giao con cho anh N nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao hai con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự chưa yêu cầu

[3] Về tài sản: Chị B không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 4 điều 207; Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 của luật Hôn Nhân và Gia đình;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị B.

- **Về hôn nhân:** Cho chị Hoàng Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- **Về con chung:** Tiếp tục giao hai con chung Nguyễn Hoàng Dũng, sinh ngày 12/10/2007 và cháu Nguyễn Hoàng Hùng, sinh ngày 22/10/2009 cho chị B nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự chưa yêu cầu.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- **Án phí:** Căn cứ vào khoản 4, điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Hoàng Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của chị B được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010873 ngày 12/10/2021.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại khoản điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND xã (ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Nhung

